

Số: /KH-CĐBP

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHOÁ
Ngành: Giáo dục Mầm non (26CMN.30)
Trình độ: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Giáo dục mầm non

Mã ngành: 51140201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non nhằm đào tạo giáo viên mầm non có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, có năng lực thực hành nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non, có thể bồi dưỡng để làm công tác quản lý ngành giáo dục mầm non, có khả năng đáp ứng với sự phát triển của giáo dục mầm non và có năng lực học tập nâng cao trình độ.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục đào tạo và ngành giáo dục mầm non.
- Hiểu biết và vận dụng được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn giáo dục mầm non.
- Hiểu biết về kiến thức giáo dục đại cương để vận dụng một cách sáng tạo về thực tiễn giáo dục mầm non.
- Nắm vững hệ thống kiến thức khoa học GDMN ở trình độ cao đẳng để thực hiện tốt công tác chuyên môn.
- Có kiến thức chuyên sâu về tổ chức các hoạt động phát triển toàn diện cho trẻ theo 5 lĩnh vực: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.
- Có kiến thức về giáo dục môi trường, giáo dục hành vi văn hoá và kỹ năng sống cần thiết cho trẻ mầm non.
- Hiểu biết đầy đủ về mục tiêu, nội dung chương trình GDMN, phương pháp tổ chức, cách thức đánh giá các hoạt động giáo dục và phát triển của trẻ em ở các cơ sở GDMN.
- Vận dụng có hiệu quả kiến thức khoa học GDMN vào việc tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục trẻ ở các đối tượng khác nhau bao gồm cả trẻ dân tộc thiểu số, trẻ có nhu cầu đặc biệt, ở tất cả các lứa tuổi tại các loại hình trường, lớp mầm non.

1.2.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng tiếp nhận, phân tích và vận dụng kiến thức khoa học giáo dục mầm non vào thực tiễn.
- Khả năng lập kế hoạch (kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề, kế hoạch tuần...) và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với yêu cầu của từng độ tuổi, phù hợp với thời điểm, điều kiện thực tế, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch theo nhu cầu sự phát triển của trẻ.
- Khả năng xây dựng môi trường giáo dục, lựa chọn và sử dụng hợp lý các học liệu, phương pháp giáo dục theo quan điểm “Lấy trẻ làm trung tâm”.
- Kỹ năng tổ chức, quản lý nhóm, lớp; làm việc nhóm. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục một cách khoa học (thiết kế các hoạt động giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục, lựa chọn và sử dụng hợp lý các học liệu, phương pháp giáo dục - dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ).
- Kỹ năng phân tích, đánh giá sự phát triển của trẻ theo chỉ số phát triển cần đạt về thể lực, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội và thẩm mỹ, đồng thời điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục khi cần.
- Kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ, xử lý tốt các tình huống sư phạm.
- Kỹ năng phân tích, đánh giá hiệu quả công việc của bản thân và đồng nghiệp. Quan sát, tìm hiểu và đánh giá mức độ phát triển của trẻ, đánh giá hiệu quả và điều chỉnh kế hoạch giáo dục.
- Kỹ năng hợp tác, giao tiếp tốt với trẻ, với đồng nghiệp và phụ huynh.
- Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.
- Kỹ năng xây dựng và duy trì tốt sự phối kết hợp với gia đình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Tham gia tích cực các hoạt động xã hội, tuyên truyền vận động trẻ đến trường và giúp đỡ trẻ có hoàn cảnh khó khăn và có nhu cầu đặc biệt ở địa phương.
- Khả năng thể hiện tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động trong giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp và thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc.
- Khả năng theo dõi xử lý kịp thời các thông tin về ngành học mầm non.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước; thực hiện tốt các quy định của địa phương, ngành, nhà trường;
- Thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công; yêu nghề, mến trẻ, tận tụy với nghề, sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ; chấp hành kỷ luật lao động, chịu trách nhiệm về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhóm lớp được phân công;
- Có đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo, có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp; trung thực trong công tác, đoàn kết trong quan hệ với đồng nghiệp, tận tình phục vụ nhân dân và trẻ; nhiệt tình, tự tin, năng động, sáng tạo, thân thiện và có tác phong sư phạm;

- Tin tưởng vào năng lực chuyên môn của bản thân, có thái độ tốt với trẻ và nghề giáo viên mầm non; có ý thức vận dụng sáng tạo các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; phối hợp, hướng dẫn người khác cùng thực hiện nhiệm vụ; xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; tự đánh giá và đánh giá chất lượng thực hiện công việc của cá nhân và của tập thể, nhóm.

2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Làm giáo viên, cán bộ quản lý, chuyên viên tại các trường mầm non công lập, tư thục, quốc tế.

- Tham gia nghiên cứu, phát triển chương trình giáo dục mầm non, làm việc tại các trung tâm giáo dục sớm, tổ chức phi chính phủ liên quan đến trẻ em.

- Có thể đảm nhiệm các vị trí quản lý, nghiên cứu hoặc chuyên trách về trẻ em tại các cơ sở giáo dục mầm non.

- Có khả năng tự tạo việc làm.

- Có khả năng tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

3. Khoá học: 2026 - 2029

4. Thời gian khoá học: 03 năm (từ 09/2026 đến 08/2029)

5. Thời gian học tập: 90 tuần, trong đó thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, thời gian ôn, thi học kì: 18 tuần.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 118 tín chỉ

- Số lượng môn học: 54 môn.

- Khối lượng học tập các môn giáo dục đại cương: 24 tín chỉ.

- Khối lượng học tập các môn cơ sở ngành: 21 tín chỉ.

- Khối lượng học tập các môn kiến thức ngành và chuyên ngành: 49 tín chỉ.

- Khối lượng học tập các môn bổ trợ và nâng cao: 12 tín chỉ.

- Khối lượng thực tập sư phạm, thực tập tốt nghiệp: 12 tín chỉ.

6. Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè: 20 tuần.

7. Quyết định phê duyệt chương trình: Quyết định số 447/QĐ-CĐBP, ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Bình Phước về việc Ban hành chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non hệ Cao đẳng trong trường Cao đẳng Bình Phước.

8. Phân bổ thời gian học tập chính khoá, ngoại khoá và tốt nghiệp

8.1. Phân bổ thời gian học tập chính khoá

STT	Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian của môn học, mô đun (giờ)				Kiểm tra (số bài)		Học kỳ
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Thường xuyên	Định kì	
I. Kiến thức giáo dục đại cương			24							
01	CT001	Nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lê Nin 1	5	60	50	8	2	1	1	I
02	CT002	Nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lê Nin 2		60	50	8	2	1	1	II
03	CT003	Đường lối CM Việt Nam	3	60	55	3	2	1	1	IV
04	CT004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	45	40	3	2	1	1	VI
05	QL001	Quản lý hành chính Nhà nước	2	30	25	3	2	1	1	VI
06	TA001	Tiếng Anh 1	3	75	45	25	5	3	2	I
07	TA002	Tiếng Anh 2	3	75	45	25	5	3	2	III
08	CT005	Pháp luật đại cương	2	30	25	3	2	1	1	VI
09	XH001	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	2	30	25	3	2	1	1	I
10	TN001	Giáo dục môi trường	2	30	25	3	2	1	1	I
11	TC001	Giáo dục thể chất 1	CC	45	5	38	2	1	1	I
12	TC002	Giáo dục thể chất 2	CC	45	0	43	2	1	1	II
13	GDQP01	Giáo dục Quốc phòng1,2	CC	75	73	0	2	1	1	I
14	GDQP02	Giáo dục Quốc phòng 3,4	CC	90	0	88	2	1	1	II
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp										
	a	Kiến thức cơ sở ngành	21							
15	TG001	Tâm lý học đại cương	2	45	35	8	2	1	1	I
16	TG002	Giáo dục học đại cương	2	45	35	8	2	1	1	III
17	NK001	Mỹ thuật	2	60	10	33 (15)	2	1	1	II
18	NK002	Âm nhạc cơ bản	2	30	25	3	2	1	1	I
19	NK003	Múa	2	30	5	23	2	1	1	II
20	XH002	Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành	2	45	25	18	2	1	1	II

STT	Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian của môn học, mô đun (giờ)				Kiểm tra (số bài)		Học kỳ
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Thường xuyên	Định kì	
21	TG003	PP Nghiên cứu trẻ em	2	30	15	13	2	1	1	VI
22	TG004	PP Nghiên cứu KH GD	2	30	15	13	2	1	1	V
23	XH003	Văn học thiếu nhi & đọc kể diễn cảm	3	60	40	18	2	1	1	I
24	NK004	Hát	2	30	5	23	2	1	1	III
	b	Kiến thức ngành và chuyên ngành	49							
25	TN002	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	45	35	8	2	1	1	I
26	TG005	Sự phát triển tâm lý trẻ mầm non	5	105	70	33	2	1	1	II
27	TG006	Giáo dục gia đình	2	30	25	3	2	1	1	IV
28	TG007	Nghề giáo viên mầm non	2	30	20	8	2	1	1	III
29	MN001	Giáo dục học Mầm non	3	60	45	13	2	1	1	III
30	TG008	Giáo dục hòa nhập ở trường MN	2	30	20	8	2	1	1	IV
31	MN002	Hướng dẫn làm đồ chơi	2	45	5	38	2	1	1	II
32	MN003	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	3	60	45	13	2	1	1	IV
33	MN004	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	2	45	30	13	2	1	1	IV
34	MN005	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	2	45	30	13	2	1	1	V
35	MN006	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	60	45	13	2	1	1	IV
36	MN007	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Tác phẩm văn học	2	45	30	13	2	1	1	III
37	MN008	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với biểu tượng toán	2	45	30	13	2	1	1	IV
38	MN009	Phương pháp cho	3	60	45	13	2	1	1	V

STT	Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian của môn học, mô đun (giờ)				Kiểm tra (số bài)		Học kỳ
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Thường xuyên	Định kì	
		trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh								
39	MN010	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	2	45	30	13	2	1	1	III
40	MN011	Dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho trẻ mầm non	2	45	30	13	2	1	1	V
41	MN012	Vệ sinh- Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2	60	25	18 (15)	2	1	1	II
42	QL002	Quản lý trong giáo dục mầm non	2	45	30	13	2	1	1	IV
43	ĐG001	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	45	30	13	2	1	1	VI
44	MN013	Chương trình GDMN – Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	4	90	60	26	4	2	2	V
	c	Kiến thức bổ trợ và nâng cao (tự chọn)	12							
45	NK005	Đệm đàn	2	45	5	38	2	1	1	III
46	MN014	Hướng dẫn trẻ mầm non vận động theo nhạc	2	45	5	38	2	1	1	V
47	CN001	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	2	45	18	25	2	1	1	V
48	MN015	Rèn luyện kỹ năng vệ sinh, chăm sóc trẻ mầm non	2	45	15	13	2	1	1	III
49	MN016	Phương pháp tổ chức các hoạt động GD PT tình cảm, kỹ năng XH trong chương trình GDMN	2	45	30	13	2	1	1	IV
50	MN017	Tổ chức HĐ phát	2	45	30	13	2	1	1	V

STT	Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian của môn học, mô đun (giờ)				Kiểm tra (số bài)		Học kỳ
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Thường xuyên	Định kì	
		triển trí tuệ cảm xúc cho trẻ mầm non theo cách tiếp cận tích hợp								
	III	Thực tập sư phạm & thực tập tốt nghiệp	12							
51	TT001	Kiến tập sư phạm	2	45	20	24	1		1	I
52	TT002	Thực hành sư phạm 1,2	3	75	40	34	1		1	III;V
53	TT003	Thực tập sư phạm (3 tuần)	3	75	40	35				IV
54	TTTN	Thực hành NN & Thực tập cuối khóa (6 tuần)	4	105	40	65				VI
		TỔNG	118		1518	972				

8.2. Hoạt động chuyên môn và hoạt động ngoại khóa khác

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày (hoạt động tự rèn luyện)
2	Văn hóa, văn nghệ, vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật hoặc các hoạt động kỉ niệm, chào mừng ngày lễ lớn, giao lưu...
3	Hoạt động thư viện, tự đọc sách	Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu vào tất cả các ngày trong tuần
4	Nghệ vụ sư phạm	Mỗi năm học tổ chức một lần
5	Tham quan, dã ngoại và các hoạt động ngoại khóa khác	Mỗi năm học 1-3 lần (theo kế hoạch chung của đoàn trường hoặc của khoa).

8.3. Xét tốt nghiệp

8.3.1 Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

8.3.2. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với cơ sở đào tạo.

8.3.3. Xếp hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khoá, trong đó hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu:

a) Khối lượng các học phần học lại vượt quá 5% tổng số đơn vị tín chỉ quy định cho toàn khoá;

b) Sinh viên bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

8.3.4. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục thể chất hoặc Giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 02 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

8.3.5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các phòng, khoa;
- Giáo viên chủ nhiệm;
- HSSV khoá 26CMN.30;
- Website Trường;
- Lưu VT, ĐT

HIỆU TRƯỞNG

Hà Văn Kiên